

Số: 66/2025/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2018 ban hành Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-SNNMT, ngày 31 tháng 7 năm 2025; Báo cáo số 690/BC-SNNMT ngày 21 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2018 ban hành Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Quy định ban hành kèm theo

1. Tại Điều 3:

Thay thế cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố*” bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường*”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định, như sau:

2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, như sau:

“1. Vùng phụ cận của đập tràn

a) Đập tràn có chiều cao dưới 3m: Tối thiểu là 10m, phạm vi không được xâm phạm là 5m sát biên ngoài phần xây đúc hạ lưu đập và hai vai đập; đối với thượng lưu đập là toàn bộ vùng ngập nước ứng với cao trình đỉnh đập tràn, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

b) Đập tràn có chiều cao từ 3m đến dưới 5m: Tối thiểu là 20m, phạm vi không được xâm phạm là 10m sát biên ngoài phần xây đúc hạ lưu đập và hai vai đập; đối với thượng lưu đập là toàn bộ vùng ngập nước ứng với cao trình đỉnh đập tràn, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

c) Đập tràn có chiều cao từ 5m đến dưới 10m: Tối thiểu là 40m, phạm vi không được xâm phạm là 20m sát biên ngoài phần xây đúc hạ lưu đập và hai vai đập; đối với thượng lưu đập là toàn bộ vùng ngập nước ứng với cao trình đỉnh đập tràn, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

d) Đập tràn có chiều cao từ 10m đến dưới 25m: Tối thiểu là 80m, phạm vi không được xâm phạm là 40m sát biên ngoài phần xây đúc hạ lưu đập và hai vai đập; đối với thượng lưu đập là toàn bộ vùng ngập nước ứng với cao trình đỉnh đập tràn, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.”

2.2. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1, như sau:

“1a. Đối với đập của hồ chứa: Vùng phụ cận của đập tại khu vực đỉnh đập và 02 vai đập hạ lưu có phạm vi được tính từ điểm tiếp giáp giữa thân đập với địa hình tự nhiên trở ra: Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 50 m; đập cấp I tối thiểu là 40 m; đập cấp II tối thiểu là 30 m; đập cấp III tối thiểu là 20 m; đập cấp IV tối thiểu là 10 m.”

2.3. Sửa đổi khoản 4, như sau:

“4. Vùng phụ cận tràn xả lũ trong trường hợp tràn xả lũ không nằm trong vùng phụ cận của đập và các công trình, hạng mục công trình trên kênh như: Cổng, cầu qua kênh, xi phông, cầu máng, tường kè...”

Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 03 m về mọi phía.”

3. Sửa đổi, bổ sung tên và một số khoản của Điều 5 tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định, như sau:

3.1. Bỏ cụm từ “*cấp huyện*,” tại tên của Điều 5.

3.2. Sửa đổi khoản 1, như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Quy định này.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi, các địa phương, đơn vị liên quan triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.”

3.3. Thay thế cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố*” bằng cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường*” tại khoản 3 và khoản 4.

3.4. Thay thế cụm từ “*Sở Giao thông vận tải*” bằng cụm từ “*Sở Xây dựng*” tại khoản 3.

3.5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, như sau:

“6. Ủy ban nhân dân xã, phường:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này trên địa bàn; xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý.

c) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật; phối hợp với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tổ chức cấm mốc và quản lý mốc giới bảo vệ công trình.

d) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.”

3.6. Bỏ cụm từ “*Phòng Tài nguyên và Môi trường*” tại điểm c, khoản 7.

3.7. Bãi bỏ các khoản 2 và khoản 5.

4. Thay thế cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” bằng cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Môi trường*” tại Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Quy chế ban hành kèm theo

1. Bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND các huyện, thành phố*” và từ “*thị trấn*” tại Điều 3 của Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy chế ban hành kèm theo, như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo, như sau:

“2. Đối với công tác kiểm tra, ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Trong phạm vi, chức năng, quyền hạn được giao, hằng năm chỉ đạo phòng chuyên môn trực thuộc Sở xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý hoặc kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cấp trên để phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành về giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan kiểm tra và kiến nghị xử lý việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đối với các cơ sở sản xuất, dự án, khu dân cư có xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi và xe vượt quá trọng tải đi trên công trình, đảm bảo hiệu quả trong việc ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi.

c) Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi, trong quá trình kiểm tra phối hợp với các địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14, khoản 9 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 6, Điều 1, Nghị định 68/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trong công tác xử lý vi phạm hành chính:

a) Chỉ đạo phòng chuyên môn trực thuộc Sở phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận thông tin, hồ sơ vụ việc vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

b) Giám đốc Sở theo thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy lợi theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử phạt thì chuyển biên bản vi phạm hành chính và tài liệu liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt theo thời hạn quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14, khoản 9 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đơn đốc UBND cấp xã xem xét xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi.”

4. Sửa đổi, bổ sung một số từ, cụm từ, điểm, khoản tại Điều 6, Điều 7, Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Quy chế ban hành kèm theo, như sau:

4.1. Bỏ cụm từ “*thanh tra liên ngành*” tại khoản 3, Điều 6.

4.2. Bỏ cụm từ “*Thanh tra Sở và*” tại điểm b, khoản 4 Điều 7.

4.3. Thay thế cụm từ “*Thanh tra Sở*” và cụm từ “*Chánh thanh tra Sở*” bằng cụm từ “*phòng chuyên môn trực thuộc Sở*” tại điểm a, khoản 3; điểm a, khoản 4, Điều 7; khoản 3, Điều 12.

4.4. Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp xã*” tại khoản 5, Điều 7 và khoản 3, Điều 13 tại Quy chế ban hành kèm theo.

4.5. Thay thế cụm từ “*thanh tra chuyên ngành*” bằng cụm từ “*kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất*” tại khoản 2, Điều 13 tại Quy chế ban hành kèm theo.

4.6. Bỏ cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*” và cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*” tại điểm a, khoản 4, Điều 7 và khoản 1 và khoản 3 Điều 15 tại Quy chế ban hành kèm theo.

5. Bãi bỏ Điều 9 Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10, như sau:

“Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi để thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản, quy định của pháp luật về thủy lợi; định kỳ phát các tin, bài về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi trên các phương tiện truyền thanh cấp xã.

2. Đối với công tác kiểm tra, ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Trong phạm vi, chức năng, quyền hạn được giao, chỉ đạo các phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực về thủy lợi và các cơ quan liên quan, các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi quy định tại Điều 57 Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Có trách nhiệm xử lý khi có kiến nghị của các cơ quan, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn, các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn trong thời hạn quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt thì lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử phạt theo thẩm quyền.

c) Phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình; ngăn chặn kịp thời các công trình xây dựng trái phép trên đất hành lang bảo vệ an toàn công trình; buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại hiện trạng của đất như trước khi vi phạm; trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt thì lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với các tổ chức liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 6, Điều 1, Nghị định 68/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trong công tác xử lý vi phạm hành chính:

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực thủy lợi, Công an cấp xã xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

b) Khi nhận được hồ sơ vi phạm (Biên bản làm việc ghi nhận vi phạm pháp luật về thủy lợi tại hiện trường, các văn bản kiến nghị xử lý vi phạm) do các Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn; tổ chức thủy lợi cơ sở; các tổ chức, cá nhân được cấp thẩm quyền giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi chuyển đến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời chỉ đạo các lực lượng của xã kiểm tra, xác minh vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính và tiến hành các trình tự, thủ tục xử lý theo các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi khi nhận được đề nghị của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn và các cơ quan có liên quan.

c) Xử phạt vi phạm hành chính về thủy lợi theo thẩm quyền quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, khoản 1 Điều 38 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì lập hồ sơ, chuyển vụ việc cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo đôn đốc, giám sát xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

4. Trong tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo, phân công các lực lượng cấp xã, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp xây dựng kế hoạch, thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, khắc phục hậu quả theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Phối hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn, đơn vị chuyên môn của Sở quản lý chuyên ngành về thủy lợi để xác định mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang thoát lũ; các vấn đề kỹ thuật liên quan đến an toàn công trình làm cơ sở cho việc cưỡng chế khắc phục hậu quả vi phạm hành chính.

5. Tổng hợp tình hình xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn quản lý; tổng hợp, báo cáo Sở quản lý chuyên ngành về thủy lợi theo định kỳ (*đối với báo cáo tháng: gửi trước ngày 25 hàng tháng; báo cáo quý: gửi trước ngày 25 của tháng cuối quý; báo cáo năm: gửi trước ngày 25 tháng 12*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) và chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu do cấp mình báo cáo.”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 9 năm 2025.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Lạng Sơn, Công TTĐT tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, ĐV;
- Lưu: VT, KTCN_(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh